

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỚC HIỆP THÀNH**

ĐẶNG THỊ CẨM DUNG

Niên khóa: 2015-2019

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ
GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỚC HIỆP THÀNH**

Sinh viên thực hiện:

ĐẶNG THỊ CẨM DUNG

Lớp K49A Kế Toán

Niên khóa: 2015-2019

Giáo viên hướng dẫn:

ThS. NGUYỄN NGỌC THỦY

Huế, tháng 3 năm 2019

TaiLieu.vn

Trường Đại học Kinh tế Huế

LỜI CẢM ƠN

Quá trình thực tập nghề nghiệp là cơ hội giúp sinh viên biết được những kiến thức lý thuyết nhận được từ sự dạy bảo tận tình của thầy/cô sẽ được vận dụng như thế nào trong thực tiễn. Từ đó, trang bị đầy đủ cho mình những kiến thức thực tế, kỹ năng nghề nghiệp để khi ra trường có thể tự tin và thích nghi với công việc tốt hơn. Vì vậy, dù chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn nhưng lại rất hữu ích và cần thiết cho mỗi sinh viên

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Quý thầy cô giáo Trường Đại học Kinh tế Huế trong suốt thời gian qua đã truyền đạt cho em những kiến thức bổ ích và cần thiết liên quan đến chuyên ngành.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến cô giáo Ths. Nguyễn Ngọc Thủy đã giúp đỡ và hướng dẫn em tận tình trong suốt quá trình thực tập nghề nghiệp.

Em cũng xin trân trọng cảm ơn toàn thể quý Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian tìm hiểu, cũng như đóng góp ý kiến bổ ích để em hoàn thành đợt thực tập của mình.

Trong bài Báo cáo thực tập cuối khóa này mặc dù bản thân em đã cố gắng nỗ lực hết mình để giải quyết các yêu cầu và mục đích đặt ra, xong do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, bổ sung ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Thị Cẩm Dung

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
CCDC	Công cụ dụng cụ
CSKD	Cơ sở kinh doanh
CTCP	Công ty cổ phần
DN	Doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐ	Hóa đơn
HHDV	Hàng hóa dịch vụ
HTKK	Hỗ trợ kê khai
NSNN	Ngân sách nhà nước
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TSCĐ	Tài sản cố định
TSDH	Tài sản dài hạn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VNĐ	Việt Nam Đồng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 Tình hình lao động của Công ty giai đoạn 2016 – 2018.....	37
Bảng 2.2 Tình hình cơ cấu và biến động tài sản của Công ty giai đoạn 2016 - 2018....	39
Bảng 2.3 Tình hình cơ cấu và biến động nguồn vốn của Công ty giai đoạn 2016 - 2018....	43
Bảng 2.4 Biến động kết quả kinh doanh giai đoạn 2016 - 2018	47
Biểu 2.1 Hóa đơn GTGT 0000125	54
Biểu 2.2 Hóa đơn GTGT 0000788	57
Biểu 2.3 Trích sổ chi tiết TK 1331	58
Biểu 2.4 Hóa đơn GTGT 0000157	62
Biểu 2.5 Hóa đơn thương mại	64
Biểu 2.6 Trích sổ chi tiết TK 3331	65
Biểu 2.7 Tờ khai thuế GTGT tháng 12/2018	71
Biểu 2.8 Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2018	80
Biểu 2.9 Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	85
Biểu 2.10 Sổ cái TK 8211 năm 2018	88
Biểu 2.11 Sổ cái TK 3334 năm 2018	89
Biểu 2.12 Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà Nước.....	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH

Sơ đồ 1.1 Hạch toán thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ.....	16
Sơ đồ 1.2 Hạch toán thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ.....	17
Sơ đồ 1.3 Sơ đồ kế toán thuế TNDN.....	28
Sơ đồ 1.4 Kế toán chi phí thuế TNDN.....	28
Sơ đồ 2.1 Bộ máy tổ chức của Công ty.....	34
Sơ đồ 2.2 Bộ máy kế toán Công ty.....	35
Biểu đồ 2.1 Tình hình tài sản giai đoạn 2016 - 2018.....	41
Biểu đồ 2.2 Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2018.....	45
Hình 2.1 Bảng kê hóa đơn, chứng từ HHDV mua vào.....	55
Hình 2.2 Sổ chi tiết TK 1331.....	56
Hình 2.3 Điền mã số thuế đăng nhập.....	66
Hình 2.4 Chọn kỳ kê khai thuế GTGT.....	67
Hình 2.5 Tờ khai thuế GTGT tháng 12/2018.....	68
Hình 2.6 Chọn kỳ tính thuế.....	77
Hình 2.7 Phụ lục 03 – 1A/TNDN.....	78

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ, HÌNH ẢNH	iv
MỤC LỤC	v
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng nghiên cứu	2
4. Phạm vi nghiên cứu	2
5. Phương pháp nghiên cứu	2
6. Kết cấu đề tài	3
7. Tính mới của đề tài	4
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ	
GIA TĂNG VÀ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	5
1.1 Những vấn đề cơ bản về thuế GTGT	5
1.1.1 Khái niệm	5
1.1.2 Đặc điểm	5
1.1.3 Vai trò	6
1.1.4 Người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, không chịu thuế GTGT	6
1.1.5 Căn cứ tính thuế GTGT	7
1.1.6 Phương pháp tính thuế	9
1.1.7 Khấu trừ thuế	10
1.1.8 kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế	11
1.2 Nội dung công tác kế toán thuế GTGT	14
1.2.1 Kế toán thuế GTGT đầu vào	14
1.2.2 Kế toán thuế GTGT đầu ra	16

1.3 Những vấn đề cơ bản về kế toán thuế TNDN	17
1.3.1 Khái niệm	17
1.3.2 Đặc điểm.....	17
1.3.3 Vai trò.....	19
1.3.4 Đối tượng nộp thuế.....	19
1.3.5 Căn cứ tính thuế.....	19
1.3.6 Phương pháp tính thuế.....	20
1.3.7 kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế TNDN	25
1.4 Nội dung công tác kế toán thuế TNDN	26
1.4.1 Kế toán thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hiện hành.....	26
1.4.2 Kế toán thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại.....	30
CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PHƯỚC HIỆP THÀNH.....	32
2.1 Giới thiệu tổng quan về Công ty	32
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển.....	32
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh.....	33
2.1.3 Chức năng và nhiệm vụ.....	33
2.1.4 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34
2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán	35
2.1.6 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng	36
2.1.7 Tình hình nguồn lực của Công ty qua 3 năm 2016 – 2018	37
2.2 Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty	49
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty	49
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty	74
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CTCP PHƯỚC HIỆP THÀNH.....	91
3.1 Nhận xét và đánh giá về công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty.....	91
3.1.1 Ưu điểm	91

3.1.2 Nhược điểm	93
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty	94
3.2.1 Sự cần thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và TNDN	94
3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và TNDN tại Công ty	94
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	96
1. Kết luận.....	96
2. Kiến nghị	97
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	98
PHỤ LỤC	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Gắn liền với sự ra đời của Nhà nước thì sự ra đời của các sắc thuế cũng là một vấn đề tất yếu khách quan. Tuy đây là một khoản bắt buộc mà mỗi pháp nhân, thể nhân phải đóng góp cho Nhà nước nhưng vì vai trò hết sức quan trọng của nó đối với Nhà nước, cũng xã hội mà Thuế có thể tồn tại và phát triển đến ngày nay. Thông qua Thuế, Nhà nước có thể huy động được một nguồn lực tài chính dồi dào đến mức đây là nguồn thu chủ yếu và quan trọng nhất của Ngân sách. Không những vậy, thông qua việc điều chỉnh mức thuế suất, Thuế đã giúp phần nào trong việc kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả cũng như phân phối lại các sản phẩm để đạt được các mục tiêu công bằng xã hội.

Nước ta đã và đang hội nhập vào nền kinh tế thế giới, điều này mang lại cho nước nhà vô vàn cơ hội cũng như thách thức. Do đó để có thể thu hút đầu tư từ bên ngoài, bảo hộ nội địa, tăng trưởng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế cũng như hoàn thiện hệ thống luật thuế nước nhà thì trong những năm qua rất nhiều thông tư, nghị định liên quan đến thuế đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành bởi Bộ Tài Chính. Chẳng hạn như Thông tư 25/2018/TT-BTC được ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung Khoản 23, Điều 4, Thông tư 219/2013/TT-BTC, Hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi Thông tư 78/2014/TT-BTC hay là ban hành Thông tư 93/2017/TT-BTC với mục đích sửa đổi Thông tư 219/TT-BTC và Thông tư 119/2014/TT-BTC.

Thuế có vai trò to lớn là vậy, tuy nhiên Nhà nước vẫn gặp khá nhiều khó khăn trong công tác thu thuế. Bởi lẽ, đối với các loại thuế trực thu như Thuế Thu nhập Doanh nghiệp thì dễ gây phản ứng từ người nộp thuế hoặc dễ xảy ra tình trạng trốn thuế, lậu thuế, còn đối với các loại thuế gián thu như Thuế Giá trị gia tăng thì mặc dù không có gánh nặng về thuế nhưng Nhà nước lẫn Doanh nghiệp đều gặp khó khăn vì Kế toán không nắm đúng, đủ các thông tư, quy định liên quan đến luật Thuế.

Qua thời gian thực tập ở Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành, tác giả nhận thấy Thuế GTGT và TNDN là hai sắc thuế phát sinh khá nhiều tại doanh nghiệp. Với mong muốn được tìm hiểu thực tế áp dụng các sắc thuế này trong doanh nghiệp cũng như nâng cao kỹ năng trong công tác kế toán, góp phần hoàn thiện lý luận và thực tiễn về hệ thống kế toán Thuế GTGT và TNDN tại doanh nghiệp, tác giả đã lựa chọn đề tài “Thực trạng kế toán Thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Tổng hợp cơ sở lý luận về kế toán Thuế GTGT và TNDN và các quyết định mới.
- Tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán Thuế GTGT và TNDN tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành.
- Đánh giá và đưa ra một số đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Thuế GTGT và TNDN tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài chính là cơ sở lý luận và thực trạng tổ chức công tác kế toán Thuế GTGT và TNDN tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành.

4. Phạm vi nghiên cứu

- *Thời gian*: Những số liệu phục vụ cho việc phân tích tình hình lao động, tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động SXKD trong vòng ba năm 2016, 2017, 2018, đối với những số liệu phục vụ cho việc phản ánh thực trạng kế toán thuế GTGT là tháng 12/2018 và TNDN là năm 2018.
- *Không gian*: Đề tài được nghiên cứu trong phạm vi không gian là tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành.

5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp quan sát*: Quan sát hoạt động hằng ngày của nhân viên Kế toán Thuế cũng như những nhân viên đảm nhận các phần hành kế toán khác trong Doanh nghiệp để biết được cách thức, trình tự luân chuyển chứng từ, định khoản, giải quyết các nghiệp vụ, tình huống phát sinh trong doanh nghiệp.

- *Phương pháp phỏng vấn*: Trực tiếp đặt những câu hỏi mà bản thân thắc mắc hay gặp phải khó khăn trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhằm thu thập được những thông tin cần thiết.
- *Phương pháp thu thập tài liệu*: Tiến hành thu thập tất cả các tài liệu, số liệu liên quan đến thuế cũng như các báo cáo tài chính của Công ty để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài.
- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: Dựa trên các tài liệu thu thập, tìm kiếm được tiến hành hệ thống lại cơ sở, những lý luận cơ bản để đánh giá công tác kế toán tại doanh nghiệp.
- *Phương pháp xử lý số liệu*: Các số liệu thu thập sẽ được tiến hành xử lý, chọn lọc để đưa vào khóa luận một cách khoa học. Hình thức xử lý chủ yếu được sử dụng trong đề tài là dùng Microsoft Excel.
- *Phương pháp phân tích số liệu*: Dựa trên các số liệu đã thu thập, xử lý, tiến hành phân tích chia nhỏ để làm rõ, đơn giản hóa, từ đó có thể nhận xét, đánh giá các chỉ tiêu phân tích.
- *Phương pháp hạch toán kế toán*: Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến kế toán thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

6. Kết cấu đề tài

Đề tài gồm 3 phần:

- Phần I: Đặt vấn đề.
- Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu.

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán Thuế GTGT và TNDN.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán Thuế GTGT và TNDN tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành.

Chương 3: Một số đánh giá và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và TNDN tại Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành.

- Phần III: Kết luận và kiến nghị.

7. Tính mới của đề tài

Công ty Cổ phần Phước Hiệp Thành từ khi đi vào hoạt động đã tạo điều kiện cho rất nhiều sinh viên hoàn thành tốt việc thực tập cuối khóa của mình. Tuy nhiên, với ngành nghề kinh doanh là sản xuất bàn ghế đan lát thì công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là những đề tài được đa số các sinh viên lựa chọn trong khi công tác kế toán thuế nói chung, cũng như công tác kế toán thuế GTGT và TNDN nói riêng vẫn tồn tại nhiều yếu điểm thì lại chưa từng được bất kỳ sinh viên nào đưa vào làm đề tài của mình. Nếu xét ra khỏi phạm vi doanh nghiệp thì công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN không phải đề tài mới mẻ gì, bởi lẽ đã được đề cập tương đối nhiều ở các khóa luận đi trước như “Thực trạng công tác thuế GTGT tại Công ty Cổ phần cơ khí và xây dựng công trình 878” – Nguyễn Thị Hằng (Niên khóa 2012 – 2016) hay “Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH TMDV Lộc Thọ” – Nguyễn Trúc Quỳnh (Niên khóa 2014 – 2018)...Tuy nhiên lại là đề tài khá mới mẻ trong phạm vi doanh nghiệp. Vì vậy, tác giả muốn lựa chọn công tác kế toán thuế tại đơn vị để làm đề tài thực tập cuối khóa của mình. Thông qua đề tài này, tác giả có thể tìm hiểu được thực trạng công tác thuế GTGT cũng như thuế TNDN tại đơn vị, từ đó rút ra những thiếu sót cần bổ sung, bất cập cần giải quyết góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề cơ bản về thuế GTGT

1.1.1 Khái niệm

Thuế GTGT hay còn gọi là VAT (viết tắt là Value Added Tax). VAT được một nhà kinh tế học người Pháp nghĩ ra vào năm 1954 và đưa vào áp dụng lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 1954.

Theo *Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12*: “Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng”.

1.1.2 Đặc điểm

Thứ nhất, Thuế GTGT lũy thoái so với thu nhập: Dù thu nhập cao hay thấp thì mỗi người tiêu dùng cuối cùng đều phải trả một khoản thuế GTGT bằng nhau nếu dùng một loại hàng hóa, dịch vụ.

Thứ hai, Đây là một loại thuế gián thu: Điều này có nghĩa đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế không phải là một. Mặt khác, thuế GTGT là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ hay nói cách khác giá cả mà người tiêu dùng mua đã bao gồm thuế GTGT do đó có thể điều tiết gián tiếp thông qua giá cả cả hàng hóa, dịch vụ.

Thứ ba, Thuế GTGT mang tính trung lập: Thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh, không phải là yếu tố chi phí mà chỉ là yếu tố cộng thêm vào giá bán.

Thứ tư, Đây là loại thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn: Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ tuy nhiên chỉ đánh vào giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Do đó, tổng số thuế thu được ở tất

cả các giai đoạn sẽ bằng số thuế GTGT tính trên giá bán tính cho người tiêu dùng cuối cùng.

1.1.3 Vai trò

- Thuế GTGT là loại thuế gián thu, giúp Nhà nước có thể có được một nguồn Ngân sách dồi dào mà không chịu sự phản kháng mạnh mẽ từ người tiêu dùng trong công tác thu thuế như thuế TNDN.
- Thuế GTGT bắt buộc các chủ thể phải sử dụng hệ thống hóa đơn chứng từ, điều này giúp Nhà nước kiểm soát được hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa của các doanh nghiệp. Do đó có thể tận thu, khắc phục được nhược điểm trốn thuế của thuế TNDN.
- Thuế GTGT góp phần bảo hộ nền sản xuất nội địa thông qua việc đánh thuế GTGT hàng nhập khẩu khi nó du nhập, xuất hiện trên lãnh thổ nước ta. Bên cạnh đó cũng góp phần thúc đẩy việc xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thông qua việc khấu trừ hay hoàn lại số thuế GTGT đầu vào, điều này giúp giá cả của hàng hóa dịch vụ thấp đi, tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

1.1.4 Người nộp thuế, đối tượng chịu thuế, không chịu thuế GTGT

1.1.4.1 Phạm vi áp dụng

Thuế GTGT có phạm vi tác động rộng và đánh vào hầu hết tất cả hàng hóa trên thị trường.

1.1.4.2 Người nộp thuế

Theo Điều 3, Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế GTGT quy định:

“Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)”.

1.1.4.3 Đối tượng chịu thuế

Theo Điều 2, Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn luật thuế GTGT quy định: Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT quy định tại điểm 1.1.4.4 dưới đây.

1.1.4.4 Đối tượng thuộc diện không chịu thuế GTGT

Đối tượng không chịu thuế được quy định rõ tại Thông tư 26/2015/TT-BTC, sửa đổi, bổ sung cho Điều 4, Thông tư 219/2013 bao gồm 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ chứa một trong các tính chất sau: Mang tính thiết yếu; Thuộc các hoạt động ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo; Thuộc một số ngành cần khuyến khích phát triển; Nhập khẩu nhưng không tiêu dùng tại Việt Nam; Khó xác định giá trị tăng thêm.

1.1.5 Căn cứ tính thuế GTGT

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

$$\text{Thuế GTGT} = \text{Giá tính thuế GTGT} * \text{Thuế suất}$$

1.1.5.1 Giá tính thuế

Để xác định số thuế GTGT phải nộp thì giá tính thuế chính là một căn cứ khá quan trọng. Theo Điều 7, Thông tư 219/2013/TT-BTC căn cứ tính thuế của một số HHDV được quy định như sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT kể cả phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa vừa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, vừa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.
- Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu (+) với thuế nhập khẩu (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng phục vụ hoạt động kinh doanh (tiêu dùng nội bộ), là giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh việc tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không.
- Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT.

1.1.5.2 Thuế suất

Theo quy định tại Điều 9, 10 và 11, Thông tư 219/2013/TT-BTC thì có 3 mức thuế suất được áp dụng: 0%; 5% và 10%. Cụ thể:

a) Áp dụng thuế suất 0%

- Đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu.
- Hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan.
- Vận tải quốc tế.
- Hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

Hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% khi có đầy đủ hồ sơ, chứng từ sau:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu.
- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật.
- Có tờ khai hải quan theo quy định.

b) Áp dụng thuế suất 5% đối với:

- Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.
- Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác theo quy định.
- Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế, bảo quản ở khâu kinh doanh thương mại, Mủ cao su sơ chế.
- Thực phẩm tươi sống ở khâu kinh doanh thương mại; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại (trừ gỗ, măng).
- Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm giẻ đường, bã mía, bã bùn.
- Sản phẩm thủ công sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.
- Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế, Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập.
- Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.
- Sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT, Dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định.
- Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.

c) Áp dụng thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC.

1.1.6 Phương pháp tính thuế

Có hai phương pháp tính thuế được sử dụng: Phương pháp tính trực tiếp và phương pháp khấu trừ thuế GTGT. Tuy nhiên phạm vi nghiên cứu của khóa luận này chỉ nghiên cứu theo phương pháp khấu trừ thuế GTGT.

1.1.6.1 Đối tượng áp dụng

Theo Điều 12, Thông tư 219/2013/TT-BTC thì phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với CSKD thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định:

- Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên.
- Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp.

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai khấu trừ nộp thay.

1.1.6.2 Xác định số thuế GTGT phải nộp

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

1.1.7 Khấu trừ thuế

1.1.7.1 Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

Theo Điều 14, Thông tư 219/2013/TT-BTC, CSKD nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có thể được khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong một số trường hợp sau đây:

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ.
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá mà doanh nghiệp sử dụng để cho, biếu, tặng, khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức, phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì được khấu trừ.
- Số thuế GTGT đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan được khấu trừ toàn bộ, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế.
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.
- Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của TSCĐ.

1.1.7.2 Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

Theo Điều 15. Thông tư 219/2013/TT-BTC điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào được quy định như sau:

- Có hoá đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.